

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh  
sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015;*

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính  
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính  
phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển  
khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ  
trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ  
KH&CN cấp quốc gia sử dụng ngân sách Nhà nước; Căn cứ Thông tư  
03/2017/TT-BKHCN ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và  
Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 07/2014/TT-BKHCN  
ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định  
trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng  
ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BKHCN ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Bộ  
trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và  
công nghệ cấp quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ  
trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả  
thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà  
nước;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ  
trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và  
công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ  
trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và*

*chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2020/TT-BKHCN ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành khoản 1 Điều 41 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2020 và thay thế Quyết định số 49/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, Thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh, các CV;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Hoàng Xuân Ánh**

## QUY ĐỊNH

### Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 24/2020/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết một số nội dung về quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, bao gồm: xác định nhiệm vụ KH&CN; tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN; quản lý, kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN; đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN; đăng ký, lưu giữ kết quả; chuyển giao ứng dụng kết quả.

Nhiệm vụ KH&CN liên quan đến bí mật quốc gia không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

#### 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

### Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Đề xuất đặt hàng thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là đề xuất đặt hàng) là đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh của các tổ chức, cá nhân được Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ban, ngành, địa phương trong tỉnh xem xét đặt hàng.

2. Nhiệm vụ KH&CN đặt hàng cấp tỉnh là các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân tỉnh đặt hàng cho tổ chức và cá nhân có đủ năng lực triển khai thực hiện.

3. Tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền lựa chọn tổ chức, cá nhân có điều kiện, năng lực tốt nhất để thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh thông qua việc xem xét, đánh giá hồ sơ theo những yêu cầu, tiêu chí quy định.



4. Giao trực tiếp tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện và năng lực phù hợp để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thông qua việc xem xét, đánh giá hồ sơ theo những yêu cầu, tiêu chí quy định.

5. Hội đồng tư vấn KH&CN gồm: Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN, Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ KH&CN, Hội đồng tư vấn giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN, Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN và Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh.

### **Điều 3. Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước**

1. Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh bao gồm: Chương trình KH&CN cấp tỉnh; đề án khoa học cấp tỉnh; đề tài KH&CN cấp tỉnh; dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh; dự án KH&CN cấp tỉnh; đề tài, dự án KH&CN tiềm năng cấp tỉnh. Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có các yêu cầu chung như sau:

- a) Có tính cấp thiết, tầm quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong phạm vi của tỉnh.
- b) Giải quyết các vấn đề KH&CN trong phạm vi tỉnh. Các vấn đề KH&CN cần phải huy động nguồn lực KH&CN của tỉnh.
- c) Không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ KH&CN đã và đang thực hiện.

#### **2. Chương trình KH&CN cấp tỉnh**

a) Chương trình KH&CN cấp tỉnh là nhiệm vụ KH&CN có mục tiêu chung giải quyết các vấn đề KH&CN phục vụ phát triển và ứng dụng KH&CN trung hạn hoặc dài hạn được triển khai dưới hình thức tập hợp các đề tài KH&CN, dự án sản xuất thử nghiệm, dự án KH&CN cấp tỉnh.

#### **b) Yêu cầu đối với Chương trình KH&CN cấp tỉnh**

Có mục tiêu tạo ra kết quả KH&CN phục vụ các định hướng ưu tiên phát triển thuộc phạm vi quản lý của tỉnh về: phát triển tiềm lực KH&CN trong một hoặc một số lĩnh vực; phát triển hướng công nghệ ưu tiên; phát triển các sản phẩm trọng điểm, chủ lực. Kết quả của các nhiệm vụ KH&CN phải thể hiện tính mới, tính tiên tiến, có khả năng ứng dụng cao và đáp ứng được các mục tiêu của chương trình.

Có nội dung bao gồm các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với nhau về chuyên môn và phù hợp với nguồn lực KH&CN trong tỉnh.

Các kết quả đều thể hiện tính mới, tính tiên tiến, có khả năng ứng dụng cao và đáp ứng được các mục tiêu của Chương trình.

Thời gian thực hiện của Chương trình KH&CN cấp tỉnh không quá 05 năm, tính từ thời điểm phê duyệt, trong đó thời gian thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cụ thể phải phù hợp với quy định đối với từng loại nhiệm vụ.



### 3. Đề tài KH&CN cấp tỉnh

a) Đề tài KH&CN cấp tỉnh là nhiệm vụ KH&CN có nội dung chủ yếu là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn, bao gồm đề tài nghiên cứu cơ bản, đề tài nghiên cứu ứng dụng, đề tài triển khai thực nghiệm hoặc kết hợp nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và triển khai thực nghiệm.

#### b) Yêu cầu của đề tài KH&CN cấp tỉnh

Đối với đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ: có triển vọng lớn tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả nhưng chưa được nghiên cứu, ứng dụng ở địa phương; được hoàn thành ở dạng mẫu và sẵn sàng chuyển sang giai đoạn sản xuất thử nghiệm; có khả năng được cấp bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc bằng bảo hộ giống cây trồng. Có phương án khả thi để phát triển công nghệ hoặc sản phẩm KH&CN trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm.

Đối với đề tài trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: kết quả đảm bảo tạo ra được luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Đối với đề tài trong các lĩnh vực khác: sản phẩm KH&CN đảm bảo tính mới, tính tiên tiến so với các kết quả đã được tạo ra tại tỉnh Cao Bằng hoặc trong nước thông qua các công bố trong nước có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và an sinh xã hội.

Thời gian thực hiện đề tài không quá 36 tháng, tính từ ngày ký hợp đồng KH&CN; trường hợp đặc biệt cần kéo dài hơn do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

### 4. Đề án khoa học cấp tỉnh

a) Đề án khoa học cấp tỉnh là nhiệm vụ KH&CN nhằm mục tiêu xác định cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ việc xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật.

#### b) Yêu cầu đối với đề án khoa học cấp tỉnh

Xây dựng đề án phải căn cứ vào các nhiệm vụ được Lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; các chương trình phối hợp giữa các địa phương với các sở, ngành và tương đương.

Kết quả nghiên cứu là những đề xuất hoặc dự thảo cơ chế, chính sách, quy trình, quy phạm, văn bản pháp luật với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ việc hoạch định và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.



Thời gian thực hiện đề án khoa học cấp tỉnh không quá 18 tháng, tính từ ngày ký hợp đồng KH&CN; trường hợp đặc biệt cần kéo dài hơn do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

#### 5. Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh

a) Dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh là nhiệm vụ KH&CN nhằm ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm để thử nghiệm các giải pháp, phương pháp, mô hình quản lý kinh tế - xã hội hoặc sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất và đời sống.

#### b) Yêu cầu đối với dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh

Giải quyết vấn đề KH&CN phục vụ trực tiếp dự án đầu tư sản xuất sản phẩm trọng điểm, chủ lực, ưu tiên, mũi nhọn của tỉnh, ngành và địa phương hoặc để tạo ra sản phẩm phải có tính năng, chất lượng, giá cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu; ưu tiên công nghệ hoặc sản phẩm KH&CN thử nghiệm là kết quả của nhiệm vụ KH&CN đã được Hội đồng KH&CN đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng hoặc là kết quả khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích.

Kết quả tạo ra đảm bảo được áp dụng và nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án đầu tư sản xuất; có khả năng lan tỏa hoặc có ý nghĩa tác động lâu dài tới sự phát triển KH&CN của ngành, lĩnh vực.

Tổ chức chủ trì dự án phải cam kết khả năng huy động nguồn kinh phí tự có hoặc thông qua sự hợp tác với các doanh nghiệp hoặc tổ chức, cá nhân có nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

Thời gian thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm cấp tỉnh tối đa không quá 36 tháng, tính từ ngày ký Hợp đồng KH&CN; trường hợp đặc biệt do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

#### 6. Dự án KH&CN cấp tỉnh

a) Dự án KH&CN cấp tỉnh là nhiệm vụ KH&CN giải quyết các vấn đề KH&CN chủ yếu phục vụ việc sản xuất một sản phẩm hoặc nhóm sản phẩm trọng điểm, chủ lực có tác động nâng cao trình độ công nghệ của một ngành, một lĩnh vực và có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội, được triển khai dưới hình thức đề tài KH&CN, dự án sản xuất thử nghiệm và dự án đầu tư KH&CN có mục tiêu, nội dung gắn kết hữu cơ, đồng bộ và được tiến hành trong một thời gian nhất định.

#### b) Yêu cầu đối với dự án KH&CN cấp tỉnh

Giải quyết các vấn đề KH&CN phục vụ trực tiếp dự án đầu tư sản xuất sản phẩm ưu tiên, mũi nhọn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.



Kết quả tạo ra đảm bảo được áp dụng và nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án đầu tư sản xuất; có ý nghĩa đối với phát triển KH&CN của các ngành, địa phương do tính quản lý.

Có phương án huy động các nguồn tài chính ngoài ngân sách và được các tổ chức tài chính, tín dụng, quỹ xác nhận tài trợ hoặc đảm bảo.

Có tiến độ phù hợp với tiến độ dự án đầu tư sản xuất.

Thời gian thực hiện dự án KH&CN không quá 36 tháng, tính từ ngày ký hợp đồng KH&CN; trường hợp đặc biệt do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

#### 7. Nhiệm vụ KH&CN tiềm năng cấp tỉnh

a) Nhiệm vụ KH&CN tiềm năng cấp tỉnh là đề tài KH&CN, dự án KH&CN tập trung nghiên cứu giải quyết những vấn đề KH&CN đòi hỏi tính ứng dụng cao và có triển vọng tạo ra, phát triển hướng nghiên cứu mới hoặc sản phẩm mới thuộc lĩnh vực KH&CN ưu tiên, trọng điểm của tỉnh.

b) Yêu cầu đối với nhiệm vụ KH&CN tiềm năng cấp tỉnh

Có khả năng tạo ra những hướng nghiên cứu mới hoặc có khả năng tạo sản phẩm mới.

Thời gian thực hiện không quá 24 tháng, tính từ ngày ký hợp đồng KH&CN; trường hợp đặc biệt do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

## Chương II

### ĐỀ XUẤT, XÁC ĐỊNH DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐẶT HÀNG CẤP TỈNH

#### Điều 4. Đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

1. Căn cứ tiến độ thực hiện kế hoạch KH&CN hàng năm hoặc theo tính cấp thiết, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo định hướng phát triển KH&CN ưu tiên của tỉnh và thời hạn gửi đề xuất đặt hàng trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ để các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh gửi đề xuất nhiệm vụ KH&CN.

2. Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN được vận dụng theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BKH&CN ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKH&CN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố có trách nhiệm



a) Tổng hợp danh mục nhiệm vụ do các tổ chức, cá nhân đề xuất đặt hàng và tự đề xuất những vấn đề KH&CN cần giải quyết theo lĩnh vực, địa phương được giao quản lý.

b) Thành lập và tổ chức họp Hội đồng tư vấn cấp cơ sở xác định danh mục nhiệm vụ.

c) Hoàn chỉnh hồ sơ đề xuất nhiệm vụ KH&CN và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện theo khoản 3 Điều 12 Thông tư số 07/2014/TT-BKH&CN; kèm theo Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn cấp cơ sở xác định danh mục nhiệm vụ; biên bản họp Hội đồng.

#### 4. Nội dung thể hiện nhiệm vụ KH&CN đề xuất đặt hàng

a) Nội dung của nhiệm vụ KH&CN đề xuất đặt hàng được thể hiện qua tên gọi, định hướng mục tiêu, nội dung cơ bản và yêu cầu đối với kết quả, đảm bảo đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 3 của Quy định này.

b) Mục yêu cầu đối với kết quả cần bao gồm các thông số kỹ thuật, yêu cầu về số lượng, chất lượng hoặc chỉ tiêu định lượng, định tính cụ thể của sản phẩm tạo ra. Tùy theo từng loại hình nhiệm vụ KH&CN các yêu cầu này cần được thể hiện như sau:

Đối với đề tài nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ: các yêu cầu đối với công nghệ hoặc sản phẩm ở giai đoạn tạo sản phẩm mẫu và các yêu cầu đối với phương án phát triển công nghệ hoặc sản phẩm khoa học công nghệ trong các giai đoạn sản xuất.

Đối với đề tài khác: các yêu cầu tính mới và mức độ tiên tiến của sản phẩm và các yêu cầu khác.

Đối với đề án khoa học: các yêu cầu về tính khoa học và tính thực tiễn của sản phẩm và các yêu cầu khác.

Đối với dự án sản xuất thử nghiệm: các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt được của sản phẩm và quy mô sản xuất thử nghiệm.

Đối với dự án KH&CN: các sản phẩm khoa học công nghệ cùng với các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương ứng đảm bảo sự gắn kết và tính đồng bộ theo quy trình sản xuất hoặc chuỗi thời gian.

5. Định kỳ hằng năm, trước ngày 30 tháng 5, Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, tổng hợp danh mục nhiệm vụ KH&CN do các đơn vị đề xuất và danh mục các nhiệm vụ do Lãnh đạo tỉnh trực tiếp đặt hàng (nếu có) theo từng lĩnh vực (tên, tính cấp thiết, mục tiêu, nội dung chính, kết quả dự kiến đạt được, thời gian thực hiện, phương thức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp) để xin ý kiến của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN.

### **Điều 5. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh**

1. Sở Khoa học và Công nghệ thành lập các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN theo từng lĩnh vực (gọi tắt là Hội đồng). Thành phần Hội



đồng bao gồm nhà khoa học, nhà quản lý, nhà kinh doanh có uy tín và trình độ chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ.

2. Hội đồng gồm: Chủ tịch, Phó chủ tịch, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên.

3. Hội đồng có nhiệm vụ tư vấn, xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN đề xuất đặt hàng, gồm: tên nhiệm vụ, định hướng mục tiêu, nội dung chính, kết quả dự kiến đạt được, thời gian thực hiện và phương thức tổ chức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp) của từng nhiệm vụ KH&CN.

4. Tài liệu họp của Hội đồng được Sở Khoa học và Công nghệ gửi cho các ủy viên Hội đồng ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp, bao gồm:

a) Đề xuất nhiệm vụ KH&CN của tổ chức, cá nhân.

b) Các biểu mẫu nhận xét, đánh giá, tổng hợp danh mục đề xuất và tài liệu liên quan.

c) Kết quả tra cứu thông tin về các nhiệm vụ KH&CN có liên quan.

5. Phương thức làm việc của Hội đồng:

a) Các ủy viên Hội đồng có ý kiến nhận xét, đánh giá đề xuất nhiệm vụ KH&CN theo mẫu quy định và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ ít nhất 01 ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng.

b) Hội đồng chỉ họp khi có mặt ít nhất 2/3 số ủy viên; trong đó có Chủ tịch (hoặc Phó chủ tịch) và 02 ủy viên phản biện. Hội đồng cử 01 ủy viên làm thư ký khoa học.

Sở Khoa học và Công nghệ mời đại diện cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh và tùy từng nhiệm vụ cụ thể có thể mời đại diện các đơn vị liên quan dự phiên họp của Hội đồng.

c) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Các ý kiến kết luận của Hội đồng được thông qua khi trên 3/4 số ủy viên của Hội đồng có mặt nhất trí bằng hình thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín.

Các ý kiến khác nhau của ủy viên được thư ký khoa học của Hội đồng tổng hợp để Hội đồng thảo luận và biểu quyết thông qua. Ủy viên của Hội đồng có thể yêu cầu bảo lưu ý kiến trong trường hợp ý kiến đó khác với ý kiến kết luận của Hội đồng. Ủy viên Hội đồng chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của Hội đồng.

d) Đại diện các đơn vị đề xuất nhiệm vụ KH&CN có thể được mời tham dự phiên họp của Hội đồng.

đ) Các ủy viên Hội đồng đánh giá các đề xuất đặt hàng và bỏ phiếu đánh giá. Đề xuất nhiệm vụ KH&CN được đề nghị “thực hiện” khi tất cả các nội dung trong Phiếu đánh giá được đánh giá “đạt yêu cầu” và đề nghị “không thực hiện” khi một trong các nội dung đánh giá được đánh giá ở mức “không đạt yêu cầu”.



e) Đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN được đưa vào danh mục trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt thực hiện khi có trên 3/4 số ủy viên Hội đồng có mặt kiến nghị “thực hiện”.

Hội đồng thảo luận cụ thể để biểu quyết thống nhất về tên nhiệm vụ, định hướng mục tiêu, nội dung chính, thời gian thực hiện, kết quả dự kiến, phương thức thực hiện (tuyển chọn hoặc giao trực tiếp); biểu quyết để sắp xếp theo thứ tự ưu tiên trong danh mục nhiệm vụ đề xuất đặt hàng.

g) Đối với các nhiệm vụ đề nghị không thực hiện, Hội đồng thảo luận cụ thể để biểu quyết thống nhất về lý do đề nghị không thực hiện.

h) Kết quả đánh giá, tư vấn xác định nhiệm vụ được ghi vào Biên bản họp Hội đồng theo mẫu quy định.

6. Sở Khoa học và Công nghệ hoàn thiện hồ sơ và các tài liệu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

### **Điều 6. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN đặt hàng**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, gồm: tên, định hướng mục tiêu, yêu cầu đối với kết quả, phương thức thực hiện.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, trường hợp cần thiết có thể lấy ý kiến chuyên gia tư vấn độc lập trước hoặc sau khi họp Hội đồng tư vấn KH&CN cấp tỉnh để xem xét quyết định phê duyệt danh mục.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo công khai danh mục nhiệm vụ KH&CN trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ và Cổng thông tin điện tử tỉnh Cao Bằng.

Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kết quả xác định nhiệm vụ KH&CN cho tổ chức và cá nhân đề xuất.

### **Điều 7. Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh đột xuất do Lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh giao**

1. Khi phát sinh nhiệm vụ KH&CN đột xuất do Lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh giao, các đơn vị được giao nhiệm vụ gửi hồ sơ thực hiện nhiệm vụ KH&CN về Sở Khoa học và Công nghệ, bao gồm: văn bản giao nhiệm vụ, công văn đề xuất nhiệm vụ KH&CN, hồ sơ quy định tại Điều 9 của Quy định này.

Người đứng đầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định giao nhiệm vụ KH&CN quy định tại Điều này sau khi lấy ý kiến tư vấn của Hội đồng tư vấn KH&CN.

2. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức họp Hội đồng tư vấn xét giao trực tiếp theo quy định tại Điều 12 của Quy định này, trường hợp cần thiết lấy thêm ý



kiến của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh đột xuất được ưu tiên thực hiện. Quy trình phê duyệt nhiệm vụ KH&CN đột xuất được tiến hành ngay khi có yêu cầu, không phụ thuộc kế hoạch KH&CN của năm. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm làm việc với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ưu tiên phân bổ kinh phí sau khi thuyết minh nhiệm vụ được phê duyệt.

### **Chương III**

## **TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

### **Điều 8. Điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh**

Điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh thực hiện theo Điều 4 Thông tư 08/2017/TT-BKHHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN).

### **Điều 9. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh**

1. Tổ chức và cá nhân chuẩn bị hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư 08/2017/TT-BKHHCN.

2. Mỗi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh do một cá nhân làm chủ nhiệm, có các thành viên tham gia nghiên cứu và một thành viên làm thư ký nhiệm vụ. Trường hợp có trên một cá nhân chủ nhiệm phải do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

### **Điều 10. Nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh**

1. Trước thời điểm nhận hồ sơ tuyển chọn ít nhất 30 ngày, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh thực hiện theo phương thức tuyển chọn trên trang thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ và các phương tiện thông tin đại chúng khác để các tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn.

Trước thời điểm nhận hồ sơ giao trực tiếp ít nhất 15 ngày, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản đến tổ chức chủ trì để hoàn thiện hồ sơ xét giao trực tiếp.

2. Việc nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện theo Điều 6 Thông tư 08/2017/TT-BKHHCN.



**Điều 11. Mở và kiểm tra xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh**

1. Kết thúc thời hạn nhận hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp trong thời hạn 07 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện việc mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ với sự tham dự của đại diện các cơ quan liên quan, đại diện tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp.

2. Hồ sơ hợp lệ được đưa vào xem xét, đánh giá là hồ sơ được chuẩn bị theo đúng các biểu mẫu và đáp ứng quy định tại Điều 8, Điều 9 và khoản 2 Điều 10 của Quy định này.

3. Kết quả mở hồ sơ được ghi thành biên bản theo quy định.

4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo cho tổ chức nộp hồ sơ đối với hồ sơ không hợp lệ.

**Điều 12. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh**

1. Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN (gọi tắt là Hội đồng).

a) Hội đồng có Chủ tịch, Phó chủ tịch, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên. Thành phần Hội đồng gồm: các nhà khoa học, chuyên gia có uy tín, có trình độ chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên ngành KH&CN liên quan đến lĩnh vực; đại diện của cơ quan đặt hàng, cơ quan đề xuất đặt hàng, nhà quản lý hoặc nhà kinh doanh có năng lực và chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ.

b) Thư ký khoa học là ủy viên Hội đồng, do Hội đồng bầu trong phiên họp.

c) Các chuyên gia, ủy viên phản biện đã tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN được ưu tiên mời tham gia Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp đối với các nhiệm vụ KH&CN tương ứng.

d) Đối với các nhiệm vụ KH&CN phức tạp hoặc có yêu cầu đặc thù, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành phần Hội đồng khác so với quy định tại điểm a khoản này.

2. Sở Khoa học và Công nghệ cử 01 công chức làm thư ký hành chính giúp việc cho Hội đồng.

3. Ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm gửi hồ sơ nhiệm vụ KH&CN cho các ủy viên Hội đồng. Ủy viên Hội đồng viết phiếu nhận xét, đánh giá theo mẫu quy định.

4. Hội đồng chỉ họp khi có ít nhất 2/3 số ủy viên Hội đồng tham dự, trong đó có sự tham gia của Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Hội đồng và 02 ủy viên phản biện.



Sở Khoa học và Công nghệ mời đại diện cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh và tùy từng nhiệm vụ cụ thể có thể mời đại diện các đơn vị liên quan dự phiên họp của Hội đồng.

5. Những trường hợp không được tham gia Hội đồng: cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ; người đang bị xử phạt do vi phạm hành chính trong hoạt động KH&CN; cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ; vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của chủ nhiệm; người có bằng chứng xung đột lợi ích với chủ nhiệm hoặc tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

6. Tổ chức, cá nhân được Hội đồng đề nghị trúng tuyển hoặc giao trực tiếp là tổ chức, cá nhân có hồ sơ xếp hạng với tổng số điểm trung bình cao nhất của các tiêu chí và phải đạt từ 70/100 điểm trở lên, trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/3 số ủy viên Hội đồng có mặt cho điểm không (0 điểm). Các nhóm tiêu chí và thang điểm thực hiện theo Điều 12 Thông tư 08/2017/TT-BKHCN.

Đối với nhiệm vụ tuyển chọn, các hồ sơ có điểm trung bình bằng nhau thì ưu tiên hồ sơ có cam kết và đối ứng vốn ngoài ngân sách nhà nước nhiều hơn (nếu có). Đối với các hồ sơ có vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước bằng nhau hoặc không có vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước thì ưu tiên hồ sơ có điểm trung bình về năng lực của tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm cao hơn.

7. Hội đồng thống nhất kiến nghị xác định kết quả phiên họp với các thông tin cơ bản: tên tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm đề nghị trúng tuyển hoặc giao trực tiếp; những điểm cần bổ sung, sửa đổi trong hồ sơ nhiệm vụ KH&CN được hội đồng lựa chọn trúng tuyển hoặc giao trực tiếp; các sản phẩm chính với các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương ứng cần phải đạt (nếu có); số lượng chuyên gia trong và ngoài nước tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có); phương thức khoán chi (khoán đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán từng phần).

8. Trong trường hợp cần thiết và khi các ủy viên Hội đồng có ý kiến không thống nhất trong việc xem xét lựa chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức lấy ý kiến đánh giá của một (01) hoặc hai (02) chuyên gia tư vấn độc lập cho một (01) hồ sơ.

9. Kết quả họp Hội đồng và ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có) được thông báo cho các tổ chức, cá nhân đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN ngay sau khi kết thúc phiên họp. Tổ chức, cá nhân được đề nghị trúng tuyển hoặc giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của Hội đồng trong thời hạn 15 ngày và gửi về Sở Khoa học và Công nghệ.

10. Sở Khoa học và Công nghệ có quyền hủy bỏ kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh nếu phát hiện một trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có hành vi giả mạo, gian lận hoặc khai báo, cam kết không trung thực trong hồ sơ



đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

b) Vi phạm các yêu cầu tại Điều 8 Quy định này.

c) Có sự trùng lặp về kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh từ các nguồn khác của ngân sách nhà nước.

d) Không hoàn thiện hồ sơ đúng thời hạn quy định và không có lý do chính đáng.

**Điều 13. Nguyên tắc, trách nhiệm của Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh**

1. Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư 08/2017/TT-BKH&CN.

2. Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN (sau đây gọi là Tổ thẩm định) do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập, gồm có 05 thành viên, trong đó:

a) Tổ trưởng Tổ thẩm định là Lãnh đạo của Sở Khoa học và Công nghệ.

b) Tổ phó Tổ thẩm định là đại diện của Sở Tài chính.

c) 01 thành viên là chủ tịch hoặc phó chủ tịch hoặc chuyên gia phản biện của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

d) 02 thành viên là đại diện phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Khoa học và Công nghệ.

đ) Sở Khoa học và Công nghệ cử một công chức làm thư ký hành chính, có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu, giúp việc cho Tổ thẩm định.

3. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh phức tạp, đặc thù hoặc yêu cầu đặc biệt, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần Tổ thẩm định khác với quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Nguyên tắc làm việc của Tổ thẩm định:

a) Phải có mặt ít nhất 04/05 thành viên Tổ thẩm định, trong đó phải có thành viên là Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch hoặc chuyên gia phản biện của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp.

b) Tổ trưởng Tổ thẩm định chủ trì phiên họp. Trong trường hợp Tổ trưởng Tổ thẩm định vắng mặt, Tổ phó tổ thẩm định được ủy quyền chủ trì phiên họp.

5. Trách nhiệm của Tổ thẩm định:

a) Chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả thẩm định của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Tổ thẩm định.

b) Thẩm định dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN với các nội dung nghiên cứu phù hợp với kết luận của Hội đồng và các chế độ định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi tiêu hiện hành của nhà nước do các cơ quan có thẩm



quyền ban hành để xác định: chi phí công cho các thành viên thực hiện; chi phí thuê chuyên gia trong, ngoài nước; kinh phí hỗ trợ mua nguyên vật liệu, thiết bị và các khoản chi khác cũng như thời gian cần thiết để thực hiện.

c) Tổ thẩm định thảo luận chung để kiến nghị tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN (bao gồm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác), xác định dự toán khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, dự toán khoán chi từng phần. Kết quả thẩm định kinh phí được lập thành biên bản theo quy định.

d) Kết quả thẩm định được thông báo cho tổ chức, cá nhân đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN.

đ) Tổ thẩm định có trách nhiệm báo cáo Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định khi xuất hiện một trong các trường hợp: có sự thay đổi lớn về mục tiêu, nội dung của nhiệm vụ KH&CN so với quyết định phê duyệt danh mục hoặc kết luận của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp; bất đồng ý kiến giữa tổ thẩm định và chủ nhiệm nhiệm vụ về mục tiêu, nội dung, kinh phí, thời gian và phương thức thực hiện; có thành viên Tổ thẩm định không nhất trí với kết luận chung của Tổ thẩm định và đề nghị bảo lưu ý kiến.

6. Tài liệu phục vụ phiên họp thẩm định kinh phí thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư 08/2017/TT-BKHHCN.

7. Trình tự, nội dung làm việc của Tổ thẩm định theo quy định tại Điều 14 Thông tư 08/2017/TT-BKHHCN.

#### **Điều 14. Phê duyệt và ký Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh**

1. Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN hoàn thiện thuyết minh nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Thông tư 08/2017/TT-BKHHCN gửi Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư 08/2017/TT-BKHHCN.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tên nhiệm vụ KH&CN, mục tiêu, nội dung chính, kết quả đạt được, tổng kinh phí, tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm và thời gian thực hiện.

Giao cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt thuyết minh và chủ trì tổ chức ký Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Nội dung của Hợp đồng thực hiện theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.



**Chương IV**  
**KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU, ĐĂNG KÝ, LƯU GIỮ KẾT**  
**QUẢ VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC**  
**VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

**Điều 15. Kiểm tra, đánh giá thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh**

1. Trong quá trình triển khai thực hiện, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh những sai sót làm ảnh hưởng đến mục tiêu, nội dung, tiến độ kế hoạch, kết quả của nhiệm vụ KH&CN đã được phê duyệt.

2. Định kỳ ngày 15/3 và 15/9 hằng năm hoặc đột xuất và trước mỗi đợt kiểm tra, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có trách nhiệm gửi báo cáo về Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách Nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN).

3. Định kỳ 6 tháng và theo tính chất của từng nhiệm vụ KH&CN, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tiến độ thực hiện, kết quả đạt được, tình hình giải ngân và sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN; trong quá trình kiểm tra có thể phối hợp với các đơn vị liên quan của tỉnh nếu cần thiết; trường hợp kiểm tra đột xuất sẽ thông báo cho tổ chức chủ trì trước ít nhất 01 ngày làm việc. Trình tự kiểm tra, đánh giá thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN.

4. Đoàn kiểm tra có trách nhiệm tổng hợp kết quả, xác nhận khối lượng công việc, đề xuất phương án xử lý cần thiết theo quy định Điều 11 Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN.

**Điều 16. Điều chỉnh Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN**

1. Điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được thực hiện theo Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 và Điều 19 Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh về: tên, mục tiêu, vượt tổng kinh phí, kết quả của nhiệm vụ KH&CN trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Giao Sở Khoa học và Công nghệ xem xét điều chỉnh nội dung trong quá trình thực hiện để đảm bảo mục tiêu, thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN, thay đổi chủ nhiệm, điều chỉnh, bổ sung thành viên thực hiện và các nội dung khác thuộc phạm vi Hợp đồng đã ký trên cơ sở văn bản đề xuất của tổ chức chủ trì.



4. Trong trường hợp cần thiết, Sở Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định điều chỉnh hoặc trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Trình tự, thủ tục điều chỉnh được áp dụng theo Điều 20 Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN.

### **Điều 17. Chấm dứt Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN**

1. Chấm dứt Hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo Điều 21, Điều 22 Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN.

2. Trình tự, thẩm quyền thực hiện chấm dứt Hợp đồng

a) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đề nghị chấm dứt Hợp đồng hợp lệ hoặc phát hiện vi phạm của tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN đến mức phải đình chỉ, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét và thông báo tạm dừng thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

b) Tổ chức chủ trì phải ngừng mọi hoạt động có liên quan kể từ ngày có thông báo tạm dừng thực hiện nhiệm vụ KH&CN, đồng thời báo cáo chi tiết bằng văn bản với Sở Khoa học và Công nghệ các nội dung đã thực hiện, tình hình sử dụng kinh phí, nguyên vật liệu, trang thiết bị mua sắm.

c) Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức kiểm tra, đánh giá hồ sơ và hiện trường trước khi ra quyết định chấm dứt Hợp đồng. Trường hợp cần thiết, tổ chức lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia. Trong quyết định chấm dứt Hợp đồng cần xác định rõ số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước, phương án xử lý sản phẩm, tài sản được hình thành hoặc mua sắm.

d) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức thực hiện việc thanh lý hợp đồng với tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN theo quy định hiện hành.

### **Điều 18. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (nghiệm thu cấp cơ sở)**

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 21 và Điều 22 của Quy định này trước khi nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh cho Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Kết quả tự đánh giá được tổng hợp và báo cáo thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN).

### **Điều 19. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh**

Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN.



## **Điều 20. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh**

1. Sau khi nhận hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu hợp lệ, trong thời hạn 15 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là Hội đồng).

### 2. Thành phần Hội đồng

a) Hội đồng có Chủ tịch, Phó chủ tịch, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên. Thành phần gồm nhà khoa học, chuyên gia, nhà quản lý, nhà kinh doanh có năng lực và chuyên môn phù hợp nhiệm vụ, đại diện tổ chức đề xuất đặt hàng, tổ chức đặt hàng, tổ chức ứng dụng kết quả nghiên cứu.

Trường hợp đặc biệt do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của nhiệm vụ, có thể quyết định thành phần hội đồng khác với Quy định này.

b) Thư ký khoa học do Hội đồng bầu trong số các ủy viên Hội đồng.

c) Hội đồng có thể có 01 ủy viên là người thuộc tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN, nhưng ủy viên này không được làm chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên phản biện hoặc thư ký khoa học của Hội đồng.

3. Sở Khoa học và Công nghệ cử 01 công chức làm thư ký hành chính giúp việc cho Hội đồng.

4. Trong trường hợp nhiệm vụ KH&CN có sản phẩm đo kiểm được, nếu cần thiết Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN gồm 03 ủy viên của Hội đồng do Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch hội đồng làm tổ trưởng. Tổ chuyên gia có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định độ tin cậy, nhận định tính xác thực các sản phẩm nhiệm vụ KH&CN; nhận xét, báo cáo của tổ chuyên gia theo quy định. Trên cơ sở hồ sơ, Chủ tịch Hội đồng quyết định tiến hành phiên họp, thời gian hoàn thành nghiệm thu không quá 30 ngày sau khi có Quyết định thành lập Hội đồng.

5. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu được gửi đến các ủy viên Hội đồng trước phiên họp ít nhất 05 ngày làm việc. Ủy viên Hội đồng viết phiếu nhận xét kết quả nhiệm vụ KH&CN theo quy định.

6. Hội đồng chỉ họp khi có ít nhất 2/3 số ủy viên Hội đồng tham dự, trong đó có sự tham gia của Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Hội đồng và 02 ủy viên phản biện.

Sở Khoa học và Công nghệ mời đại diện cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh và tùy từng nhiệm vụ cụ thể có thể mời đại diện tổ chức ứng dụng kết quả của nhiệm vụ, cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương và doanh nghiệp tham dự phiên họp của Hội đồng.

7. Thành phần họp Hội đồng, gồm: Ủy viên Hội đồng; đại diện tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN; thư ký hành chính và khách mời.

8. Những trường hợp không được làm ủy viên Hội đồng gồm: Chủ nhiệm, các cá nhân tham gia chính, tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ; người đang bị



xử phạt do vi phạm hành chính trong hoạt động KH&CN hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích; vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của chủ nhiệm, thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ hoặc người có quyền và lợi ích liên quan khác; người có bằng chứng xung đột lợi ích với chủ nhiệm hoặc tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

9. Ý kiến kết luận của Hội đồng được Sở Khoa học và Công nghệ gửi cho tổ chức chủ trì trong thời hạn 02 ngày làm việc sau khi kết thúc phiên họp để làm căn cứ cho việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

## **Điều 21. Nội dung đánh giá của Hội đồng**

### 1. Nội dung đánh giá

a) Đánh giá về báo cáo tổng hợp: Đánh giá tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và logic của báo cáo tổng hợp (phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng v.v...) và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn).

b) Đánh giá về sản phẩm của nhiệm vụ so với đặt hàng, bao gồm: Số lượng, khối lượng sản phẩm; chất lượng sản phẩm; chủng loại sản phẩm; tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm.

### 2. Yêu cầu cần đạt đối với báo cáo tổng hợp

a) Tổng quan được các kết quả nghiên cứu đã có liên quan đến nhiệm vụ.

b) Số liệu, tư liệu có tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật.

c) Nội dung báo cáo là toàn bộ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ được trình bày theo kết cấu hệ thống, logic, khoa học, với các luận cứ khoa học có cơ sở lý luận và thực tiễn cụ thể, giải đáp những vấn đề nghiên cứu đặt ra, phản ánh trung thực kết quả nhiệm vụ phù hợp với thông lệ chung trong hoạt động nghiên cứu khoa học.

d) Kết cấu nội dung, văn phong khoa học phù hợp.

### 3. Yêu cầu đối với sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh

Ngoài các yêu cầu ghi trong hợp đồng, thuyết minh nhiệm vụ, sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh cần phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

a) Những sản phẩm có thể đo kiểm cần được kiểm định, khảo nghiệm, kiểm nghiệm tại cơ quan chuyên môn có chức năng phù hợp, độc lập với tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

b) Sản phẩm là các mô hình nghiên cứu, ứng dụng cần được đánh giá nghiệm thu mô hình. Tổ chức chủ trì phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện đánh giá nghiệm thu mô hình. Kết quả đánh giá nghiệm thu mô hình được lập thành biên bản theo quy định.

c) Sản phẩm là nguyên lý ứng dụng; phương pháp; tiêu chuẩn; quy phạm; phần mềm máy tính; bản vẽ thiết kế; quy trình công nghệ; sơ đồ, bản đồ; số liệu,



cơ sở dữ liệu; báo cáo phân tích; tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); đề án, quy hoạch; luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác cần được thẩm định bởi hội đồng khoa học chuyên ngành hoặc tổ chuyên gia do tổ chức chủ trì nhiệm vụ thành lập.

d) Có văn bản xác nhận của cơ quan chức năng đối với các sản phẩm tham gia đào tạo.

đ) Có văn bản nhận xét của cơ quan liên quan ứng dụng kết quả nghiên cứu đã được nêu trong thuyết minh nhiệm vụ KH&CN.

## **Điều 22. Phương pháp đánh giá và xếp loại đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh**

### 1. Đánh giá của ủy viên Hội đồng

a) Mỗi chủng loại sản phẩm của nhiệm vụ đánh giá trên các tiêu chí về số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm theo 03 mức sau: “Xuất sắc” khi vượt mức so với đặt hàng; “Đạt” khi đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng; “Không đạt” không đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng.

b) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ đánh giá theo 03 mức sau: “Xuất sắc” khi báo cáo tổng hợp đã hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 21 của Quy định này; “Đạt” khi báo cáo tổng hợp cần chỉnh sửa, bổ sung và có thể hoàn thiện; “Không đạt” khi không thuộc hai trường hợp trên.

c) Đánh giá chung nhiệm vụ theo 03 mức sau: “Xuất sắc” khi tất cả tiêu chí về sản phẩm đều đạt mức “Xuất sắc” và Báo cáo tổng hợp đạt mức “Đạt” trở lên; “Đạt” khi đáp ứng đồng thời các yêu cầu: tất cả các tiêu chí về chất lượng, chủng loại sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên; ít nhất 3/4 tiêu chí về khối lượng, số lượng sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên (những sản phẩm không đạt về khối lượng, số lượng thì vẫn phải đảm bảo đạt ít nhất 3/4 so với đặt hàng), Báo cáo tổng hợp đạt mức “Đạt” trở lên; “Không đạt” khi không thuộc hai trường hợp trên hoặc nộp hồ sơ chậm quá 06 tháng kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn (nếu có).

### 2. Đánh giá, xếp loại của Hội đồng

a) Mức “Xuất sắc” nếu nhiệm vụ có ít nhất 3/4 số ủy viên hội đồng có mặt nhất trí đánh giá mức “Xuất sắc” và không có ủy viên đánh giá ở mức “Không đạt”.

b) Mức “Đạt” nếu nhiệm vụ có ít nhất 2/3 số ủy viên hội đồng có mặt đánh giá mức “Đạt” trở lên và không thuộc điểm a khoản này.

c) Mức "Không đạt" nếu nhiệm vụ có nhiều hơn 1/3 số ủy viên hội đồng có mặt đánh giá mức “Không đạt”.

## **Điều 23. Xử lý kết quả nghiệm thu cấp tỉnh**

1. Trường hợp kết quả nhiệm vụ KH&CN được đánh giá xếp loại ở mức “Đạt” trở lên, cơ quan chủ trì hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN.



2. Trường hợp kết quả đánh giá nhiệm vụ KH&CN xếp loại ở mức “Không đạt”:

a) Hội đồng xem xét, xác định những công việc, nội dung đã thực hiện theo Hợp đồng.

b) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

**Điều 24. Đăng ký, lưu giữ và công bố kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh**

1. Đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo Thông tư số 14/2014/TT-BKH&CN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 14/2014/TT-BKH&CN).

2. Cơ quan thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN cấp tỉnh có thẩm quyền về đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp cơ sở, nhiệm vụ KH&CN do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực KH&CN thuộc phạm vi quản lý tài trợ.

3. Công bố kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Sở Khoa học và Công nghệ công bố kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN trên trang thông tin điện tử Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan Nhà nước.

**Điều 25. Công nhận kết quả và thanh lý hợp đồng**

1. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được thực hiện theo Điều 17 Thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN.

Sở Khoa học và Công nghệ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Thanh lý hợp đồng

Thanh lý Hợp đồng giữa các bên được tiến hành khi có Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN của cơ quan có thẩm quyền và hoàn thành việc xử lý tài sản theo quy định hiện hành.

**Điều 26. Ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN**

1. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tiếp nhận, tổ chức ứng dụng, bố trí kinh phí, đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN do mình đề xuất đặt hàng hoặc đặt hàng sau khi được đánh giá, nghiệm thu và báo cáo kết quả ứng dụng về Sở Khoa học và Công nghệ.

Trường hợp bên đề xuất đặt hàng hoặc đặt hàng không thực hiện trách



nhiệm theo quy định tại khoản này sẽ xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN hoặc tổ chức được giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm báo cáo về ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Điều 19, Điều 20 Thông tư số 14/2014/TT-BKH&CN. Báo cáo gửi về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ vào sản xuất, đời sống theo hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, yêu cầu và hướng dẫn của bên đặt hàng.

Trường hợp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN không thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản này thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời không được tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước trong thời hạn 03 năm kể từ ngày bị xử lý vi phạm.

4. Kinh phí phục vụ công tác đánh giá việc ứng dụng, sử dụng kết quả nghiên cứu được lấy từ nguồn ngân sách sự nghiệp KH&CN hàng năm của tỉnh.

## **Chương V**

### **QUẢN LÝ KINH PHÍ ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH**

#### **Điều 27. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh**

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được bố trí từ nguồn ngân sách sự nghiệp KH&CN cấp tỉnh và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được chuyển vào Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ của tỉnh hoặc thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Hoạt động cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh thực hiện theo Điều lệ Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ và các quy định hiện hành.

4. Hàng năm, cùng với thời điểm xây dựng dự toán, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xây dựng dự toán chi đối với các nhiệm vụ KH&CN trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### **Điều 28. Lập, phân bổ và phê duyệt kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh**

1. Quy trình lập, phân bổ và giao dự toán chi ngân sách Nhà nước cho các tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.



2. Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh căn cứ mục tiêu, yêu cầu, nội dung, khối lượng thực hiện gắn với sản phẩm cụ thể và định mức kinh tế - kỹ thuật do các bộ, ngành chức năng ban hành có trách nhiệm xây dựng dự toán trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

3. Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức việc thẩm định dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh theo đúng chế độ quy định.

**Điều 29. Chi, kiểm soát chi và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN**

1. Chi và kiểm soát chi kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ khoán kinh phí nhiệm vụ KH&CN và các quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Việc quyết toán kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

**Điều 30. Xử lý đối với trường hợp nhiệm vụ KH&CN không hoàn thành**

Đối với trường hợp nhiệm vụ KH&CN không hoàn thành được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước.

**Điều 31. Quản lý, sử dụng, xử lý tài sản hình thành từ việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước**

Việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước và các quy định, hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ và của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 32. Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN**

Việc giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2020/TT-BKHCN ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành khoản 1 Điều 41 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước; Thông tư số 10/2019/TT-BTC ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá trị tài sản là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước; Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BKHCN-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng



Bộ Tài chính quy định việc định giá kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ sử dụng ngân sách nhà nước.

## **Chương VI** **TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

### **Điều 33. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ**

1. Hằng năm, xây dựng và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

2. Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch KH&CN hàng năm sau khi có Quyết định giao dự toán thu và chi ngân sách địa phương và xem xét, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch (danh mục, kinh phí các nhiệm vụ KH&CN) phát sinh trong năm.

3. Thành lập các hội đồng tư vấn: Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN, Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ KH&CN, Hội đồng tư vấn giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN và Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

4. Tổ chức ký hợp đồng, cấp kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN số kinh phí theo tiến độ kế hoạch, tương ứng với các nội dung nghiên cứu được phê duyệt đảm bảo quy định.

5. Trước mỗi đợt cấp kinh phí, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ KH&CN của tổ chức chủ trì, Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ vào sản phẩm, khối lượng công việc đã hoàn thành theo thuyết minh để cấp tiếp kinh phí thực hiện Hợp đồng. Sở Khoa học và Công nghệ có quyền thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí nếu tổ chức chủ trì không hoàn thành công việc đúng tiến độ, đúng nội dung công việc theo Hợp đồng.

6. Chủ trì tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo Hợp đồng.

7. Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của tổ chức chủ trì về điều chỉnh Hợp đồng và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

8. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định.

9. Phối hợp với tổ chức chủ trì tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành.

10. Phối hợp cùng tổ chức chủ trì xử lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước, tài sản gắn với kết quả, tài sản được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định của pháp luật.



11. Tổ chức bàn giao kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cho tổ chức đề xuất đặt hàng hoặc tổ chức triển khai ứng dụng sau khi được nghiệm thu.

12. Ủy quyền cho tổ chức chủ trì tiến hành đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có) theo quy định hiện hành.

13. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản liên quan.

#### **Điều 34. Trách nhiệm và quyền hạn của Sở Tài chính**

1. Căn cứ quyết định giao dự toán và quyết định phê duyệt kế hoạch KH&CN của Ủy ban nhân dân tỉnh, thẩm định và thông báo kết quả thẩm định phương án phân bổ kinh phí cho Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Sở Tài chính phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định kinh phí các nhiệm vụ KH&CN; tổ chức thẩm định, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; xử lý tài sản, sản phẩm các nhiệm vụ KH&CN theo quy định hoặc thực hiện theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Hướng dẫn các sở, ban, ngành, địa phương xem xét, ưu tiên bố trí các nguồn vốn để ứng dụng kết quả các nhiệm vụ KH&CN trong sản xuất và đời sống.

#### **Điều 35. Trách nhiệm, quyền hạn của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị**

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định; tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức tham gia các hội đồng tư vấn KH&CN khi Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị; tạo điều kiện thuận lợi để Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan chủ trì tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình, có trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN trong việc ứng dụng, nhân rộng kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống.

3. Tổng hợp, rà soát danh mục ý tưởng khoa học; đề xuất đặt hàng nhiệm vụ KH&CN mới của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý để trình cấp có thẩm quyền xem xét.

4. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong việc xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu.

5. Phối hợp kiểm tra, giám sát và đôn đốc tổ chức chủ trì triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn hoặc thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của sở, ban, ngành, địa phương.

6. Tiếp nhận và chịu trách nhiệm triển khai ứng dụng các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN do cơ quan đề xuất đặt hàng vào thực tiễn. Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả ứng dụng (qua Sở Khoa học và Công nghệ).



### **Điều 36. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh**

1. Chịu trách nhiệm về nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí của nhiệm vụ KH&CN nhằm đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo Hợp đồng đã ký.

2. Lựa chọn cá nhân thuộc tổ chức chủ trì có đủ trình độ chuyên môn và năng lực tổ chức thực hiện để làm chủ nhiệm nhiệm vụ.

3. Thực hiện đầy đủ các cam kết trong Hợp đồng về trách nhiệm của bên nhận đặt hàng với Sở Khoa học và Công nghệ và trách nhiệm của bên đặt hàng với chủ nhiệm và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

4. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất (trang thiết bị, nhà xưởng, phương tiện), nhân lực, huy động đủ các nguồn tài chính hợp pháp ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) và các điều kiện khác để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng đã ký.

5. Sử dụng có hiệu quả kinh phí được cấp để thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo Hợp đồng; cấp đủ và đúng tiến độ kinh phí từ các nguồn kinh phí đã cam kết trong Hợp đồng cho chủ nhiệm và các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung của nhiệm vụ KH&CN; thực hiện thủ tục thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

6. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo với Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Kiến nghị điều chỉnh kịp thời để thực hiện được mục tiêu, nội dung, sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN (nếu có).

7. Đảm bảo các điều kiện cần thiết để chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN hoàn thành các bước đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo Quy định.

8. Nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu đúng thời hạn quy định.

9. Cùng chủ nhiệm phối hợp với các bên liên quan tiến hành chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sau khi nhiệm vụ đã được đánh giá, nghiệm thu.

10. Thực hiện đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo đúng quy định.

11. Tổ chức đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ từ kết quả của nhiệm vụ KH&CN cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp được giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

12. Tổ chức quản lý, khai thác các kết quả của nhiệm vụ KH&CN, được hưởng các quyền lợi và chịu trách nhiệm phân phối các lợi ích từ các hoạt động trên theo quy định của pháp luật.



13. Thực hiện bảo mật các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định về bảo vệ bí mật của Nhà nước.

14. Kết quả của nhiệm vụ KH&CN do tổ chức chủ trì thực hiện được ghi nhận, làm căn cứ để xem xét khen thưởng và được giao thực hiện các nhiệm vụ KH&CN khác.

**Điều 37. Trách nhiệm, quyền hạn của chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh**

1. Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh của nhiệm vụ KH&CN đáp ứng được mục tiêu, tạo ra được sản phẩm theo Hợp đồng đã ký.

2. Ký Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN với tổ chức chủ trì.

3. Chủ nhiệm chịu trách nhiệm về tính trung thực, giá trị khoa học, kết quả và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo Hợp đồng đã ký; chịu trách nhiệm đề xuất với tổ chức chủ trì về phương án ứng dụng kết quả hoặc thương mại hóa sản phẩm từ kết quả của nhiệm vụ.

4. Được bảo đảm các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo cam kết trong Hợp đồng với tổ chức chủ trì và đề xuất, kiến nghị các điều chỉnh khi cần thiết.

5. Phối hợp với tổ chức chủ trì đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật.

6. Kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân tham gia phối hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo Hợp đồng. Thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất về tiến độ triển khai, sử dụng kinh phí và báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN với tổ chức chủ trì. Chủ trì xây dựng báo cáo tổng hợp nhiệm vụ KH&CN và các tài liệu khác theo Hợp đồng đã ký với tổ chức chủ trì.

7. Thực hiện các quy định chung trong hoạt động nghiên cứu KH&CN. Bảo đảm tính chính xác, độ tin cậy của các thông tin và số liệu trong các sản phẩm KH&CN và hồ sơ đánh giá, nghiệm thu.

8. Thực hiện bảo mật các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định về bảo vệ bí mật của nhà nước.

9. Cùng tổ chức chủ trì phối hợp với các bên liên quan tiến hành chuyên giao kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sau khi được đánh giá, nghiệm thu theo các quy định hiện hành.

**Điều 38. Trách nhiệm của tổ chức và chuyên gia tư vấn độc lập**

1. Nghiên cứu, phân tích, đánh giá và đưa ra các ý kiến nhận xét, phản biện đối với các hồ sơ nhiệm vụ KH&CN được cung cấp.

2. Có ý kiến về những nội dung đánh giá, các yêu cầu cần bổ sung hoàn thiện và hoàn thành báo cáo tư vấn theo yêu cầu nội dung tư vấn.



3. Trong thời gian được mời tư vấn độc lập phải giữ bí mật thông tin về nhiệm vụ KH&CN được giao.

4. Không được trao đổi với chủ nhiệm, tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN về các vấn đề có liên quan đến nhiệm vụ KH&CN.

### **Điều 39. Trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng tư vấn KH&CN**

1. Hội đồng tư vấn KH&CN được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập hoặc giao cho Sở khoa học và Công nghệ thành lập; Hội đồng tư vấn KH&CN có trách nhiệm tư vấn, đánh giá cho các khâu (xác định nhiệm vụ KH&CN, tuyển chọn, giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu và các nhiệm vụ liên quan khác) trong công tác quản lý nhiệm vụ KH&CN và các hoạt động khoa học khác trên địa bàn tỉnh theo quy định.

a) Hội đồng tư vấn KH&CN tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập để tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và chuyển giao, ứng dụng kết quả nhiệm vụ KH&CN và các hoạt động khác theo quy định.

b) Sở Khoa học và Công nghệ thành lập các Hội đồng tư vấn KH&CN để xác định nhiệm vụ KH&CN theo từng lĩnh vực, tuyển chọn, giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu và các hoạt động khác theo quy định.

#### **2. Ủy viên Hội đồng tư vấn KH&CN**

a) Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu, nhận xét về nhiệm vụ theo yêu cầu trên phiếu nhận xét trước khi tổ chức họp Hội đồng.

b) Yêu cầu tổ chức và cá nhân liên quan cung cấp các tài liệu cần thiết phục vụ cho việc nhận xét, đánh giá.

c) Nhận xét, đánh giá khách quan, chính xác và chịu trách nhiệm về ý kiến nhận xét, đánh giá của mình.

d) Giữ bí mật các thông tin nhận được trong quá trình hoạt động tư vấn; không được lưu trữ, khai thác, công bố và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN trái với quy định của pháp luật hoặc chưa được sự đồng ý của cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN.

#### **3. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền (nếu có)**

a) Thực hiện trách nhiệm của ủy viên Hội đồng quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Báo cáo và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến kết quả nhận xét, đánh giá của Hội đồng theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN.

c) Xác nhận việc hoàn thiện hồ sơ của nhiệm vụ KH&CN theo ý kiến kết luận của Hội đồng.

4. Thư ký khoa học ngoài trách nhiệm của ủy viên Hội đồng quy định tại khoản 2 Điều này, còn có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu đánh giá, tổng hợp, báo cáo kết quả bỏ phiếu của các ủy viên Hội đồng.



#### **Điều 40. Trách nhiệm của Tổ thẩm định kinh phí**

1. Các thành viên Tổ thẩm định chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Tổ thẩm định, đồng thời có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình thẩm định kinh phí.

2. Báo cáo bằng văn bản và đề xuất phương án xử lý các vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết, phát sinh trong quá trình thẩm định kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh cho Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

### **Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 41. Áp dụng quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở sử dụng ngân sách sự nghiệp KH&CN**

Quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở sử dụng ngân sách sự nghiệp KH&CN (sau đây gọi tắt là nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở) được thực hiện theo quy định quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và có quy định riêng như sau:

1. Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở là nhiệm vụ KH&CN nhằm giải quyết các vấn đề KH&CN của cơ sở bao gồm:

- a) Đề tài KH&CN cấp cơ sở.
- b) Dự án KH&CN cấp cơ sở.

2. Yêu cầu của nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

a) Giải quyết các vấn đề cấp thiết của cơ sở (cơ quan, đơn vị sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh).

b) Phải có tính mới, tính khả thi và phục vụ cho hoạt động của đơn vị chủ trì, của cơ sở, của địa phương.

c) Đối với dự án KH&CN cấp cơ sở cần ứng dụng kết quả nghiên cứu triển khai từ các đề tài KH&CN đã nghiệm thu, các quy trình công nghệ đã thành công để áp dụng triển khai, nhằm phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

3. Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được thực hiện theo phương thức giao trực tiếp.

4. Thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở tối đa 24 tháng. Đối với nhiệm vụ đặc thù cần kéo dài thời gian do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định, nhưng tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ không quá 30 tháng.

5. Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách sự nghiệp KH&CN, mỗi nhiệm vụ không quá 500.000.000 VNĐ (Năm trăm triệu đồng), do Hội đồng KH&CN tỉnh thông qua. Định mức chi cho hoạt động tư vấn, tiền công cho các chức danh



thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở không quá 50% so với định mức của nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

6. Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở có trình độ từ cao đẳng trở lên, có chuyên môn hoặc vị trí công tác phù hợp và đang hoạt động trong cùng lĩnh vực phù hợp với nhiệm vụ KH&CN trong 03 năm gần đây, tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

7. Phê duyệt và ký Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở

a) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở sau khi lấy ý kiến của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN do mình thành lập và được Hội đồng KH&CN tỉnh thông qua. Thời điểm đề xuất và phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở có thể theo định kỳ hằng năm hoặc đột xuất để giải quyết kịp thời vấn đề cấp thiết của cơ sở và phù hợp với điều kiện của tỉnh.

b) Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt: tên nhiệm vụ, tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, mục tiêu, nội dung, kết quả chính, kinh phí, thời gian thực hiện và phương thức khoán chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN; phê duyệt thuyết minh và ký Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

## **Điều 42. Khen thưởng, giải thưởng KH&CN**

1. Khen thưởng

a) Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN được Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu xếp loại "Xuất sắc"; tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN được áp dụng vào thực tiễn, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao; tổ chức, cá nhân tiếp nhận kết quả nghiên cứu để ứng dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác có hiệu quả được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, khen thưởng.

b) Chi phí khen thưởng và mức khen thưởng thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức xét tặng giải thưởng KH&CN cho các tổ chức, cá nhân có công trình nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ xuất sắc trong phạm vi quản lý của tỉnh hoặc đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xét tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về KH&CN theo quy định.

## **Điều 43. Xử lý vi phạm**

Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động nghiên cứu KH&CN có hành vi vi phạm, tùy theo mức độ sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định số 64/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động KH&CN, chuyển giao công nghệ hoặc chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **Điều 44. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn các biểu mẫu liên quan; tổ chức hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện Quy định này.



2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để Sở Khoa học và Công nghệ và các tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN tổ chức triển khai, ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý.

3. Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh vận dụng Quy định này để quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của đơn vị.

4. Trường hợp các văn bản cấp trên được viện dẫn tại Quy định này có thay đổi thì áp dụng theo văn bản mới.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*Hoàng Xuân Ánh*  
\_\_\_\_\_  
**Hoàng Xuân Ánh**